

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

ĐỀ THI GỒM 80 CÂU (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 80) DÀNH CHO TẤT CẢ THÍ SINH.

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/ cụm từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 1: 他们争论了很长时间, 可是谁也说服不了谁。

- A. 双方合作得不错
B. 双方都坚持自己的意见
C. 双方要使用法律
D. 双方都不坚持自己的意见

Câu 2: 这个人看着面熟, 可是一时又想不起来在哪儿见过。

- A. 有时
B. 一下子
C. 这个小时
D. 一个小时

Câu 3: 我相信, 只要我们共同努力, 未来一定是非常美好的。

- A. 求职
B. 过去
C. 将来
D. 现在

Câu 4: 以前, 得这种病的十之八九是老年人。

- A. 很少
B. 年龄很大
C. 时间很长
D. 大部分

Câu 5: 我可不相信你刚才说的话。

- A. 表示强调
B. 表示疑问
C. 表示反问
D. 表示转折

Câu 6: 买东西时不能只看价格, 俗话说“一分钱一分货”。

- A. 质量更重要
B. 价格更重要
C. 先付钱再拿货
D. 价格与质量有关系

Câu 7: 妈妈答应明天陪我去同春市场买衣服。

- A. 坚持
B. 同意
C. 否认
D. 支持

Câu 8: 我牙疼, 吃不了这么硬的东西。

- A. 吃不完
B. 吃不下
C. 不想吃
D. 不能吃

Câu 9: 时间久了, 我渐渐地发现文文在疏远我。

- A. 很快
B. 推动
C. 逐渐
D. 介绍

Câu 10: 她说来说去, 说不出多少道理来。

- A. 不想说
B. 来回走着说
C. 边走边说
D. 反复说

Câu 11: 原来是小王呀, 我还想是张老师呢。

- A. 以为
B. 想念
C. 相信
D. 作为

Câu 12: 昨天的汉语晚会你为什么迟到?

- A. 来晚了
B. 没来
C. 睡过了
D. 报名

Câu 13: 我朋友学了三年汉语, 不过听北京人说话还有困难。

- A. 只有
B. 不会
C. 虽然
D. 但是

Câu 14: 家庭与健康之间存在着密切而不可分割的关系。

- A. 给
B. 向
C. 把
D. 和

Câu 15: 写着一手好字的父亲经常告诉我字只有多写多练才能写好。

- A. 亲戚
B. 妈妈
C. 祖父
D. 爸爸

Chọn thanh mẫu đúng (ứng với A hoặc B, C, D) trong mỗi câu sau.

Câu 16: Phiên âm đúng của từ 足够 là: zú _____ òu.

- A. c B. g C. k D. h

Câu 17: Phiên âm đúng của từ 附近 là: _____ ùjìn.

- A. b B. p C. f D. m

Câu 18: Phiên âm đúng của từ 速度 là: _____ ùdù.

- A. sh B. c C. ch D. s

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau.

Câu 19: 是青青吗? 才两年多没见, 我 _____ 认不出你来了。

- A. 简直 B. 马上 C. 忽然 D. 如何

Câu 20: 我们谁也不想失去这次 _____ , 都想通过表演来提高自己的汉语水平。

- A. 时间 B. 情况 C. 机会 D. 时候

Câu 21: 他可是我们同学中的能人, _____ 他想办的, _____ 没有办不到的。

- A. 即使 也 B. 既然 就
C. 只要 就 D. 只有 才.....

Câu 22: 这时候, 他们正在上课呢, 恐怕你们还 _____ 。

- A. 不能进教室去 B. 不进教室去 C. 进不教室去 D. 不能进去教室

Câu 23: 这里人均居住面积已达到 8 平方米 _____ 。

- A. 上 B. 以上 C. 以外 D. 上面

Câu 24: 我对北京的生活 _____ 了。

- A. 适用 B. 适合 C. 习惯 D. 合适

Câu 25: 不管你 _____ 讲, 总之我不同意这种办法。

- A. 这么 B. 什么 C. 那么 D. 怎么

Câu 26: 他的生日快到了, _____ 我很忙, 还是特意去商店给他买了礼物。

- A. 哪怕 B. 尽管 C. 因为 D. 如果

Câu 27: _____ 大家都同意的话, 那我们明天 _____ 出发。

- A. 不仅 而且 B. 假如 就
C. 假如 不 D. 与其 不如

Câu 28: 参加武术节的有 _____ 27 个国家和地区的 48 个代表团。

- A. 来自 B. 来从 C. 由来 D. 从来

Câu 29: 她花十块钱买了三 _____ 鱼。

- A. 条 B. 支 C. 个 D. 件

Câu 30: _____ 公司的规定, 招聘考试是口试笔试都有。

- A. 为了 B. 对于 C. 根据 D. 自从

Câu 31: 我爸爸只喝茶 _____ 不喝咖啡。

- A. 或 B. 然而 C. 或者 D. 而

Câu 32: 他已经学过四 _____ 语言了, 真了不起!

- A. 本 B. 句 C. 节 D. 种

Câu 33: 我已经学了三个月书法了, 你看这毛笔字我 _____ ?

- A. 写得好看不好看 B. 写得好看和不好看
C. 写不好看写得好看 D. 写得好看写得不好看

Câu 34: 我到越南来过很多次了, 我觉得越南是世界上最安全的国家 _____ 。

- A. 一个 B. 之一 C. 其中 D. 的

- Câu 35:** _____ 什么人, 都有交朋友的需要, 都有与人沟通的需要。
A. 无论 B. 不但 C. 除了 D. 因为
- Câu 36:** 我喜欢中国菜, _____ 是川菜。
A. 还 B. 尤其 C. 而且 D. 更
- Câu 37:** 王老师身体并不好, 教学任务也很繁重, _____ 他很关心学生们。
A. 反而 B. 却 C. 但 D. 倒
- Câu 38:** 他一听到音乐, 就可以 _____ 一切烦恼。
A. 失掉 B. 记得 C. 拿掉 D. 忘掉
- Câu 39:** 我一点也不认为他是正确的, 你 _____ ?
A. 呢 B. 嘛 C. 了 D. 吗
- Câu 40:** 素友 _____ 诗写得好, _____ 人品更好。
A. 只要 …… 就 …… B. 既 …… 又 ……
C. 因为 …… 所以 …… D. 不但 …… 而且 ……
- Câu 41:** _____ 吧, 别再为这件事浪费时间和精力了。
A. 就这么样 B. 什么样 C. 怎么样 D. 不怎么样
- Câu 42:** 这笔钱 _____ 不多, _____ 对他们来说却是一个不小的数目。
A. 如果 …… 那么 …… B. 不但 …… 而且 ……
C. 虽然 …… 但是 …… D. 因为 …… 所以 ……
- Câu 43:** 我没去过他住的 _____ , 你陪我去一次吧。
A. 地方 B. 地区 C. 家庭 D. 地址
- Câu 44:** _____ 老师经常来帮助, 从而使他克服了学习上的困难, 取得了好成绩。
A. 如果 B. 因此 C. 由于 D. 不仅
- Câu 45:** 我们都知道, 日韩同学学习汉语特别是汉字比欧美同学 _____。
A. 一点容易 B. 很多容易 C. 容易得多 D. 非常容易
- Câu 46:** 银河艺术团的小演员们 _____ 观众演唱了四五首歌曲。
A. 为了 B. 对 C. 为 D. 在
- Câu 47:** 他几十年如一日, 每天都坚持锻炼, _____ 节假日 _____ 不例外。
A. 虽然 …… 却 …… B. 即使 …… 也 ……
C. 无论 …… 都 …… D. 只要 …… 就 ……
- Câu 48:** 我们已经 _____ 他身上学到了许许多多的东西。
A. 从 B. 把 C. 使 D. 向

Chọn vận mẫu và thanh điệu đúng (ứng với A hoặc B, C, D) trong mỗi câu sau.

- Câu 49:** Phiên âm đúng của từ 惭愧 là: cánk _____ .
A. èi B. uǐ C. uì D. uèi
- Câu 50:** Phiên âm đúng của từ 创造 là: ch _____ zào.
A. uàn B. uàng C. oāng D. uān
- Câu 51:** Phiên âm đúng của từ 方便 là: fāngb _____ .
A. ièn B. iàn C. èn D. iēn

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 52 đến câu 61.

- (52) _____ 走路, 是我多年养成的习惯。记得我在学校上学时, 学校组织
(53) _____ 参观或游览, 几乎都是走着去走着回来。随后又是几年的农村生活,
(54) _____ 我练出了一套走路的功夫。现在虽然年纪大了, 家庭收入也有 (55) _____
很大的提高, 但我这个爱走路的习惯仍未改变。每次出门, (56) _____ 自己能承受

的路程，就都坚持步行。我这样做并不是为了省几个钱，而(57)_____是为了锻炼自己的身体。去年，我们全家到香山去游玩，恰巧碰到一(58)_____老同学。当他看到我那股登山的劲头时，特别(59)_____我的体质，并问我是如何保养的。我把方法告诉他后，他深有感触地说，这些年有了点儿钱，出门经常坐出租汽车，结果只顾舒服方便，可体质却大大不如以前了。听完老同学的话，我想，在经济收入提高后，千万不能只顾享受而(60)_____锻炼自己的机会。(61)_____健康，请多走点儿路吧。

- Câu 52:** A. 喜欢 B. 希望 C. 高兴 D. 兴趣
Câu 53: A. 外地 B. 外出 C. 外围 D. 外边
Câu 54: A. 被 B. 把 C. 使 D. 给
Câu 55: A. 过 B. 所 C. 着 D. 了
Câu 56: A. 凡是 B. 无论 C. 因为 D. 只有
Câu 57: A. 全部 B. 完整 C. 完全 D. 全面
Câu 58: A. 位 B. 名 C. 些 D. 人
Câu 59: A. 想要 B. 羡慕 C. 爱好 D. 热爱
Câu 60: A. 不要 B. 减少 C. 忘记 D. 减轻
Câu 61: A. 如果 B. 为了 C. 关于 D. 对于

Từ 4 vị trí A, B, C, D cho trước trong các câu sau, chọn vị trí đúng cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

- Câu 62:** 为了学习汉语, 了解中国, 我们**A**已经**B**来**C**北京**D**了。(三年)
Câu 63: **A**没有公共汽车, **B**也没有地铁, 我们**C**该**D**去那个地方呢?(怎么)
Câu 64: **A**她在医学上所**B**取得的成就**C**同事们**D**公认为是最好的。(被)
Câu 65: 听说你们**A**班**B**英语**C**老师去美国**D**留学过。(的)
Câu 66: 几乎**A**每个人**B**希望拥有自己**C**想象中的**D**完美生活。(都)
Câu 67: 我**A**已经**B**决定**C**骑自行车去上班**D**。(从明天起)
Câu 68: **A**随着生活水平的**B**提高, **C**人们**D**重视生活质量了。(越来越)
Câu 69: 我**A**也**B**你**C**这么一个朋友, **D**我怎么会害你呢?(就)
Câu 70: 在学习上**A**不懂装**B**懂, 有问题**C**要勇于向他**D**人请教。(别)
Câu 71: **A**今天的天气**B**可能会**C**冷**D**。(有点儿)

Chọn thanh điệu đúng (ứng với A hoặc B, C, D) trong mỗi câu sau.

- Câu 72:** Phiên âm đúng của từ 信息 là: _____ .
A. xìnxi B. xìnxī C. xīnxì D. xīnxī
Câu 73: Phiên âm đúng của từ 认识 là: _____ .
A. rènshi B. rénsní C. rēnsní D. rènshì
Câu 74: Phiên âm đúng của từ 真正 là: _____ .
A. zhēnzhēng B. zhènzhèng C. zhènzhēng D. zhēnzhèng
Câu 75: Phiên âm đúng của từ 木材 là: _____ .
A. mùcǎi B. mùcài C. mùcāi D. mùcái

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau.

- Câu 76:** 父母一再告诉我, 来北京后一定要认真学习。
A. 副词 B. 连词 C. 动词 D. 形容词

Câu 77: 在这个基础上他又创立了一门新的学科。

- A. 量词 B. 副词 C. 代词 D. 名词

Câu 78: 学生们都喜欢放假，可我却怕放假。

- A. 助词 B. 副词 C. 连词 D. 动词

Câu 79: 卓别林是世界闻名的幽默大师。

- A. 名词 B. 副词 C. 代词 D. 形容词

Câu 80: 他们正在图书馆上网呢。

- A. 副词 B. 动词 C. 介词 D. 连词

----- HẾT -----